

Bản án số: 1233/2024/HS-PT
Ngày 26 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 895/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2024/HS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Phạm Văn T, sinh năm 1992 tại tỉnh Quảng Bình; thường trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Phòng 5.10 Cung cư T, tổ D, khu phố D, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Trương Thị D; có vợ là Lê Huyền M; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2022. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trung C, Luật sư thuộc Công ty L, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 22/9/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận B và Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Q tuần tra trên tuyến Quốc lộ A, phát hiện Phạm Văn T điều khiển xe ô tô hiệu Suzuki XL 7, biển kiểm soát: 73 A – 196.83 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Tại trụ sở Công an P, quận B, Tổ Công tác kiểm tra phát hiện tại ghế bên phụ phía trước có 01 thùng giấy, kích thước 34cm x 32cm x 12cm, bên ngoài dán giấy ghi chữ “233 N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuấn A

0329064962”, bên trong có 02 gói ni-lông chứa nhiều viên nén màu nâu, nghi là chất ma túy. T khai số hàng này T nhận từ nhà xe đem giao hộ cho khách để lấy tiền công là 10.000.000 đồng nên Tổ Công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn T (các bút lục số 43, 44, 302, 303 và 304).

Tại Kết luận giám định số 5495/KL-KTHS ngày 30/9/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận, các viên nén màu nâu là chất ma túy loại MDMA có tổng khối lượng là 4.993,85 gam (Bút lục số 116).

Quá trình điều tra, Phạm Văn T khai nhận, trước đây T làm việc tại Đức, có quen biết một người tên H (không rõ lai lịch). Sau khi về Việt Nam, vào khoảng cuối tháng 8/2022, H gọi điện thoại cho T qua ứng dụng Telegram nhờ T nhận chuyển ma túy cho H để được trả công, T đồng ý và đã nhận chuyển ma túy 03 lần, cụ thể: Lần thứ nhất vào trưa ngày 01/9/2022, T nhận 01 thùng hàng từ nhà xe H1 giao theo địa chỉ ghi trên thùng hàng là “233 N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh” thì có một người đàn ông đến nhận hàng chở đi và trả tiền công cho T 5.000.000 đồng. Lần thứ hai vào ngày 07/9/2022, tương tự như lần thứ nhất, T được trả tiền công 5.000.000 đồng cho việc nhận và giao hàng. Lần thứ ba là lần bị bắt quả tang vào ngày 22/9/2022 nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2024/HS-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 40, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Tiếp tục tạm giam Bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 27/8/2024, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, do đó, tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với Bị cáo là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo nộp bổ sung một số tài liệu được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tử hình đối với Bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho Bị cáo tranh luận: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới ở giai đoạn phúc thẩm, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Phạm Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 22/9/2022, Bị cáo đã có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy loại MDMA với khối lượng 4.993,85 gam. Hành vi này đã xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy và trật tự, an toàn xã hội nên đã cấu thành tội *“Vận chuyển trái phép chất ma túy”* với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, gọi tắt là BLHS).

[3] Số lượng ma túy Bị cáo vận chuyển là đặc biệt lớn, gấp gần 50 lần khối lượng khởi điểm của khung hình phạt (100 gam) nên tội phạm do Bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, sau khi xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), xử phạt Bị cáo hình phạt tử hình là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo.

[4] Kèm theo đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Bị cáo và gia đình đã nộp thêm một số tài liệu như: Bị cáo được tặng giấy khen do có thành tích trong việc cứu người đuối nước (theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình), được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã N ghi nhận Tấm L do *“có nhiều đóng góp trong công tác Phòng chống dịch Covid-19 tại xã N giai đoạn 2020 - 2021”*; hai bên gia đình nội ngoại của Bị cáo đều có người có công với cách mạng, được Tổ quốc ghi công *“Liệt sĩ”*, tặng danh hiệu *“Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng”*, *“Huân chương Độc lập Hạng ba”*, *“Huân chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng ba”* và ghi nhận nhiều thành tích khác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Tuy nhiên, xét hành vi phạm tội của Bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng như phân tích trên nên mặc dù Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm, nhưng cũng không thể giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của Bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Các nội dung và quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do yêu cầu kháng cáo của Bị cáo không được chấp nhận nên Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 343, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2024/HS-ST ngày 26-8-2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Tiếp tục tạm giam Bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

3. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Phạm Văn T được quyền gửi đơn xin ân giảm án tử hình đến Chủ tịch N./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa (cơ sở T30);
- Bị cáo (Trại tạm giam Chí Hòa tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án, NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn